TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2019
V/v:*"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Ngô Thị T**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Anh V
2. Ông: Nguyễn Tuấn D

- Thư ký toà án ghi biên bản: Ông Lâu Văn Chứ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn C - KSV

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2019/TLST- HNGĐ, ngày 23/4/2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST, ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Lâu Thị C - Sinh năm 1973
2. **Bị đơn:** Anh Chá Giống V - Sinh năm 1973

Đều trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

Người phiên dịch cho nguyên đơn: Lâu Văn Q , sinh năm 1983

Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện; bản tự khai đề ngày 16/4/2019; Biên bản hòa giải ngày 12/6/2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Lâu Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Chá Giống V tự do tìm hiểu yêu đương trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 9/1990, chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày cưới và không đăng ký kết hôn, Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hiện anh Va và chị C không còn chung sống cùng nhau nữa tháng 3/2019 chị C sang ở với con trai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh V

Về con chung: Anh, chị có 04 con chung, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1999. Hai con lớn đã có gia đình riêng; hai cháu nhỏ hiện tại các cháu trưởng thành, tự quyết định sống với bố hay mẹ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị cam đoan, ngoài 4 con chung kể trên, anh, chị không có con chung nào. Hiện tại chị Cợ sức khỏe tốt, không ốm đau, không có thai nghén.

Về Tài sản chung, nợ nần chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Anh Chá Giống V trình bầy tại bản tự khai ngày 25/4/2019; tại biên bản hòa giải ngày 12/6/2019 và tại phiên Tòa hôm nay, anh đồng ý như lời trình bầy của chị Cợ về hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Theo anh, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân là do Anh nóng tính nên nói nặng lời với chị nhiều lần, chị không chịu được nên xin ly hôn. Anh đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Anh đồng ý như ý kiến chị C , hai cháu lớn đã có gia đình riên, 2 cháu còn lại đã lớn và biết tự lựa chọn ở với ai nên anh tôn trọng ý kiến của các con.

Về nợ nần chung: Anh, chị không nợ ai, không có ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh cam đoan, ngoài 4 con chung kể trên, anh, chị không có con chung nào. Hiện tại sức khỏe anh rất tốt, không ốm đau, không có bệnh hiểm nghèo.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận Đơn khởi kiện của chị Lâu Thị Cợ. Do anh chị không có đăng ký kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp nên đề nghị HĐXX Tuyên: Không công nhận chị Lâu Thị C và anh Chá Văn V - Đương sự trong vụ án là vợ chồng.

Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không có ý kiến gì.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lâu Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Chá Giống V , sinh năm 1973, hiện cư trú tại bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điều 28, điều 35; điều 39 và điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ điều 68 bộ luật tố tụng dân sự thì chị Lâu Thị C là nguyên đơn, anh Chá Văn V là bị đơn

[3]. *Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:*

- Về Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa thì người tiến hành tố tụng luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ;cung cấp lời khai, xác minh tình trạng hôn nhân, kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải… Tống đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng.

- Về Người tham gia tố tụng: Các đương sự và người phiên dịch cho nguyên đơn luôn thược hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[4]. *Về hôn nhân:* Chị Lâu Thị C và anh Chá Giống V chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9/1990 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc,

được 2 bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán người dân tộc Mông địa phương, quá trình chung sống anh, chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền, hiện tại anh, chị đã sống ly thân từ tháng 3/2019. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì thấy: Tại điểm b mục I Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăn ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa ansaps dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"* Như vậy chị C và anh V vi phạm quy định tại điều 9 và điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh, chị mâu thuẫn, chị Lâu Thị C có đơn xin ly hôn, anh Chá Giống V cũng đồng ý chấm dứt mối quan hệ vợ chồng giữa hai người. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Lâu Thị C và anh Chá Giống V là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 11; khoản 1 điều 14; điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không công nhận chị Lâu Thị C và Anh Chá Giống V là vợ chồng.

[5] *Về con chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết .

[6] *Về tài sản chung,* các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] *Về án phí sơ thẩm và kháng cáo:* Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lâu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục THADS huyện Mường Lát.

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 48; Điều 68; Điều 147; Điều 266; Điều 267; Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

Điều 9; Điều 11; Điều 14; Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm b mục I Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lâu Thị C và anh Chá Giống V là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào khoản chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2010/000916, ngày 22/4/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND huyện tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Pù Nhi, H. Mường Lát;
- Chi cục THSDS huyện Mường Lát;
- Lưu HS.